

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung (đợt 6) Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về Lệ phí trước bạ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 67/2025/TT-BTC;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6637/TTr-STC ngày 17 tháng 6 năm 2026 và báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 230/BC-STP ngày 12 tháng 6 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung (đợt 6) Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

**Điều 1.** Bổ sung đơn giá nhà tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh như sau:

| STT | Công trình nhà                                          | Đơn giá<br>01 m <sup>2</sup> sàn<br>(đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| I   | Nhà điều hành                                           |                                            |
|     | Nhà 02 tầng, khung, cột, dầm, sàn, mái BTCT, tường gạch | 7.987.857                                  |
| II  | Nhà xe                                                  |                                            |
|     | Nhà 1 tầng, sàn BTCT, khung thép, mái tôn               | 1.427.633                                  |
| III | Nhà kho                                                 |                                            |
|     | Nhà 01 tầng, khung, cột dầm sàn, mái BTCT, tường gạch   | 9.580.029                                  |

|            |                                                                                                                                                                                                     |                  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| <b>IV</b>  | <b>Xưởng</b>                                                                                                                                                                                        |                  |
|            | Nhà 03 tầng, kích thước 60mx120m, kết cấu cột dầm BTCT, tường gạch, mái BTCT                                                                                                                        | <b>6.647.345</b> |
|            | Nhà xưởng 01 tầng có kích thước 30x30m, cao 11,46m, lợp mái tôn, hai mặt trước để hở, xung tường 2 mặt phía sau kết hợp tường gạch Tuynel cao 3m, móng cọc Bê tông cốt thép; cột, kèo, xà thép hình | <b>1.292.190</b> |
| <b>V</b>   | <b>Trạm điện + Nhà để xe máy</b>                                                                                                                                                                    |                  |
|            | Nhà 04 tầng, kết cấu sàn, khung, mái BTCT, tường gạch                                                                                                                                               | <b>6.666.689</b> |
| <b>VI</b>  | <b>Phòng máy</b>                                                                                                                                                                                    |                  |
|            | Nhà 02 tầng, kết cấu sàn, khung, mái BTCT, tường gạch                                                                                                                                               | <b>6.710.840</b> |
| <b>VII</b> | <b>Kho rác thải + Hoá chất + Tái chế</b>                                                                                                                                                            |                  |
|            | Nhà 01 tầng, kết cấu sàn, khung, mái BTCT, tường gạch                                                                                                                                               | <b>6.414.773</b> |

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Trưởng Thuế tỉnh; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực III; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

## **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các hồ sơ gửi đến cơ quan Thuế để tính và thu phí lệ phí trước bạ nhà chưa có đơn giá nhà tại Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025, Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025, Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025, Quyết định 11/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh thì thực hiện theo đơn giá nhà quy định tại Điều 1 Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (công báo);
- V0, V1-V4, XD, TM3, TH;
- Lưu: VT, TM6.

QĐ27-giá

Ký bởi: Trần Xuân Hải  
Ký bởi: Vũ Sơn Hà

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Diện**